TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG – TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 526/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Đông, ngày 20 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 504/2020/TLST-VHNGĐ ngày 06/8/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Bên chồng: Anh Nguyễn Phú T, sinh ngày 26/3/1979; ĐKHKTT: Pxx CT2 Khu nhà ở và dịch vụ thương mại NH, phường VQ, quận HĐ, thành phố Hà Nội;

- Bên vợ: Chị T1, sinh ngày 15/12/1982; ĐKHKTT: Pxx CT2 Khu nhà ở và dịch vụ thương mại NH, phường VQ, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phú T và chị T1 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 02/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện PX, tỉnh Hà Tây (nay là xã NT, huyện PX, thành phố Hà Nội). Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phú K, sinh ngày 05/02/2008 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/12/2013. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Hiện nay, do tình cảm vợ chồng không còn mặc dù gia đình, người thân hai bên giúp vợ chồng hòa giải nhưng không thể đoàn tụ hòa thuận. Anh chị đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do vậy, theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình thì việc anh T và chị T1 thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2]. Về con chung: Vợ chồng anh T, chị T1 có 02 con chung là:

+ Nguyễn Phú K, sinh ngày 05/02/2008;

+ Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/12/2013.

Hai bên thống nhất: Chị T1 nuôi hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung. Số tiền cấp dưỡng cho một con là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Phú T và chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Phú T tự nguyện nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Phú T và chị T1. Giấy chứng nhận kết hôn số 09 Quyển số 01 ngày 02/3/2007 của Ủy ban nhân dân xã NT, huyện PX, tỉnh Hà Tây (nay là xã NT, huyện PX, thành phố Hà Nội) không còn giá trị.

- Về con chung: Vợ chồng anh T, chị T1 có 02 con chung là:

+ Nguyễn Phú K, sinh ngày 05/02/2008;

+ Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/12/2013.

Hai bên thống nhất: Chị T1 nuôi hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung. Số tiền cấp dưỡng cho một con là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Phú T và chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Phú T tự nguyện nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình. Được trừ số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009327 ngày 06/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân xã NT, huyện PX, thành phố Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ việc hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Ánh